

NGÔN NGỮ - NHỮNG KÝ HIỆU VĂN HÓA TRONG TRUYỆN CƯỜI NGƯỜI VIỆT

NGÔ THỊ THANH QUÝ *

Tóm tắt: Truyện cười không chỉ đơn thuần là giải trí mà còn là một loại hình nghệ thuật sâu sắc, thể hiện và truyền tải các giá trị văn hóa và phẩm chất tinh thần của con người Việt Nam. Bài báo tập trung vào phân tích vai trò của ngôn ngữ - những ký hiệu văn hóa trong truyện cười, đồng thời nhấn mạnh cách mà ngôn ngữ được áp dụng để thể hiện văn hóa và phản ánh xã hội. Bài viết đi sâu vào lối chơi chữ và cách diễn đạt sáng tạo để khẳng định rằng, ngôn ngữ trong truyện cười không chỉ có chức năng giải trí mà còn là phương tiện để thể hiện và truyền tải các giá trị văn hóa. Bằng cách sử dụng ngôn ngữ sáng tạo và linh hoạt, truyện cười không chỉ mang lại niềm vui mà còn thúc đẩy sự hiểu biết và nhận thức về xã hội và con người.

Từ khóa: Ký hiệu, ngôn ngữ, truyện cười, văn hóa, nhận thức.

Abstract: Humorous stories are not only entertainment but also a profound form of art, expressing and conveying the cultural values and spiritual qualities of the Vietnamese people. The article focuses on analyzing the role of language - cultural symbols in humorous stories, emphasizing how language is applied to express culture and reflect society. The paper delves into wordplay and creative expression to assert that language in humorous stories serves not only the function of entertainment but also as a means to express and convey cultural values. By using creative and flexible language, humorous stories not only bring joy but also promote understanding and awareness of society and human nature.

Keywords: Symbols, language, humorous stories, culture, perception.

1. Mở đầu

Truyện cười, những tác phẩm nhẹ nhàng đậm chất hài hước, không chỉ là nguồn cảm xúc đặc biệt mà còn là một cửa sổ tinh tế mở ra văn hóa và xã hội. Ngôn ngữ trong truyện cười có vai trò quan trọng, nhấn mạnh vào sức mạnh biểu đạt và tầm ảnh hưởng của từng từ ngữ, cụm từ, hay thậm chí là lối chơi chữ lý thú. “Truyện cười là những câu chuyện dân gian thông qua một số hành vi ngôn ngữ, cử chỉ, hoàn cảnh tính cách,... đáng cười và đặt chúng trong những tình thế đáng cười nhất để gây cười. Từ đó nó bộc lộ quan điểm phê phán những gì trái với tự nhiên, quy luật cuộc sống, đồng thời gián tiếp khẳng định những mặt tốt đẹp, tiến bộ của cuộc sống đem lại niềm vui, khoái cảm cho con người” [2, tr.305]. Đặc trưng truyện cười là gây cười. Cười là phương tiện và cũng là mục đích nghệ thuật của truyện cười. Mọi xúc cảm, trí lực nghệ sĩ truyện cười là vừa kể chuyện vừa kiến thiết tiếng cười. Người khám phá tiếng cười dân gian là phải cỏi tháo quá trình kiến thiết đó để thấy kíp nổ của tiếng cười trong trận cười [5, tr.3-8].

2. Nội dung

2.1. Thể loại truyện cười đã được các nhà nghiên cứu quan tâm, nhiều giáo trình đã trở thành tài liệu tham khảo tốt trong nghiên cứu

* PGS. TS - Trường Đại học Sư phạm, Đại học Thái Nguyên; Email: quyntt@tnue.edu.vn

và giảng dạy truyện cười như: *Văn học dân gian Việt Nam* tác giả Đinh Gia Khánh (Chủ biên); *Văn học dân gian Việt Nam* tác giả Hoàng Tiến Tựu; *Văn học dân gian Việt Nam* tác giả Lê Chí Quế; *Văn học dân gian Việt Nam* tác giả Vũ Anh Tuấn (Chủ biên);... Các tác giả đều nghiên cứu truyện cười trên phương diện thể loại: khái niệm, lịch sử hình thành, cách phân loại, những đặc trưng về nội dung và nghệ thuật. Ngoài ra, truyện cười còn được tiếp cận từ những điểm nhìn khác như: *Tiếng cười dân gian Việt Nam* (1986), Nxb. Khoa học xã hội, tác giả Trương Chính, Phong Châu trong bài viết đã chỉ rõ biện pháp gây cười trong truyện cười và nhờ những biện pháp này mà mỗi câu chuyện lại có một sắc thái khác nhau. Công trình *Truyện cười xưa và nay* (1995) của tác giả Nguyễn Đức Hiền đã đưa ra nguyên nhân gây cười trong truyện cười xưa và nay. Tác giả Hoàng Tiến Tựu (1997) trong tác phẩm *Mấy vấn đề về phương pháp giảng dạy - nghiên cứu văn học dân gian* đã liệt kê trình bày những truyện cười dân gian của nước ta từ xưa đến nay và đưa ra một số phương pháp giảng dạy cũng như nghiên cứu văn học dân gian. Tác giả Trần Gia Linh (1998) trong *Truyện dân gian Việt Nam* cũng đã phân tích những truyện cười điển hình trong “rừng cười” truyền thống. Tác giả Vũ Ngọc Khánh (1999) với công trình *Bình giảng truyện dân gian* đã nêu lên những ý nghĩa, hàm ý của những yếu tố gây cười trong truyện cười dân gian. Tác giả Hoàng Bắc (2000) thông qua *Tổng tập văn học dân gian người Việt* đã phân loại truyện cười dân gian Việt Nam thành một chuyên đề giúp người tham khảo thuận tiện tra cứu, nghiên cứu theo các lĩnh vực. Tác giả Thu Trinh (2001) trong công trình *Truyện cười người xưa* đã nghiên cứu và hệ thống hóa truyện cười trong văn hóa người Việt ở các vùng, miền đất nước. Tác giả Triều Nguyên với *Nghệ thuật chơi chữ trong văn chương người Việt* (2004) đã nêu lên tính nghệ thuật,

sự thú vị, ý nghĩa tiềm ẩn trong nghệ thuật chơi chữ của văn chương người Việt. Từ góc nhìn ngữ dụng học cũng có nhiều công trình nghiên cứu về truyện cười, tác giả Phan Thị Đào với bài viết “Đôi nét về chuyện cười và truyện cười” (Tập chí *sông Hương*, số 145, tháng 3.2001); tác giả Nguyễn Hoàng Yến có bài viết: “Một cách khai thác hàm ý trong truyện cười dân gian Việt Nam” (Tập chí *Giáo dục*, số 155, kỳ 1-2.2007). Tác giả Huỳnh Thị Hoài với nghiên cứu “Phân tích một số yếu tố gây cười trong các truyện hài ngắn tiếng Anh và tiếng Việt theo quan điểm ngữ dụng học” (Tập chí *Khoa học và Công nghệ trường Đại học Ngoại ngữ Đà Nẵng*, số 2(25), 2008); Nghiên cứu “Ngữ pháp truyện và việc ứng dụng phân tích truyện cười “văn hay”” của Nguyễn Hoàng Yến (Tập chí *Giáo dục*, số 254, kỳ 2-1.2011) đã cho người đọc thấy được vai trò của yếu tố ngữ âm, ngữ pháp trong việc phân tích truyện cười. Trần Kim Phụng, Trịnh Thị Anh Đào trong: “Thủ pháp gây cười bằng đánh tráo khái niệm trong truyện cười hiện đại Việt Nam” (Tập chí *Từ điển học và Bách khoa thư*, số 5, tháng 9.2014) đã chỉ ra một thủ pháp gây cười được nhìn từ góc độ logic trong lập luận.

2.2. Với nghiên cứu này chúng tôi tập trung vào phương diện ngôn ngữ - những ký hiệu văn hóa trong truyện cười người Việt. Chúng tôi sử dụng tư liệu khảo sát chính là cuốn *Truyện cười truyền thống của người Việt* [4]. Bài viết sử dụng phương pháp thống kê, khảo sát kết hợp với phương pháp nghiên cứu liên ngành để chỉ ra những ký hiệu văn hóa trong truyện cười người Việt. Với phương pháp phân tích ngôn ngữ cách chơi chữ, từ điểm nhìn từ vựng, ngữ nghĩa, cấu trúc câu của các đoạn văn trong truyện cười để hiểu cách mà ngôn ngữ được sử dụng tạo ra hiệu ứng hài hước. Nghiên cứu các yếu tố văn hóa được phản ánh trong truyện cười, bao gồm giá trị, niềm tin, truyền thống và hành vi

xã hội. Điều này giúp hiểu rõ ngữ cảnh và nền văn hóa mà truyện cười được tạo ra. Qua việc phân tích các biểu tượng, ký hiệu, hoặc hình ảnh trong truyện cười, người đọc sẽ nhận ra ý nghĩa của truyện đối với văn hóa và xã hội.

Ký hiệu văn hóa trong truyện cười là những biểu hiện, phương tiện, các hành vi, người ta sử dụng để truyền đạt, hoặc tương tác với các giá trị, quan niệm và niềm tin trong quan niệm văn hóa của cộng đồng. Trong bối cảnh của ngôn ngữ và văn hóa, ký hiệu văn hóa có thể bao gồm các biểu thức ngôn ngữ như từ ngữ, câu chuyện, cách diễn đạt, biểu cảm cơ thể và cả hình thức giao tiếp phi ngôn ngữ như cử chỉ, gương mặt và âm thanh. Những ký hiệu này không chỉ giúp con người truyền đạt thông điệp mà còn phản ánh và duy trì các giá trị, quan niệm về văn hóa. Ngôn ngữ không chỉ là một phương tiện để truyền đạt ý nghĩa và thông tin mà còn là một phần không thể tách rời văn hóa trong cộng đồng. Trong mỗi ngôn ngữ có những từ, cụm từ và cách diễn đạt mang ý nghĩa sâu sắc và đặc biệt đối với cộng đồng sử dụng nó. Những từ ngữ và cách diễn đạt này thường phản ánh và thể hiện các giá trị văn hóa, quan niệm xã hội và cách tiếp cận với thế giới của người sử dụng ngôn ngữ đó. Truyện cười không chỉ là những câu chuyện mang tính giải trí mà còn là một phần không thể thiếu của văn hóa dân gian, thể hiện sự sâu sắc và đa dạng của nền văn hóa một cách hài hước và sâu sắc. Trong kho tàng truyện cười của người Việt, ngôn ngữ đóng vai trò quan trọng làm nổi bật những giá trị, quan điểm và tầm nhìn đặc trưng của cộng đồng. Bằng cách nắm bắt và phân tích các ký hiệu văn hóa trong truyện cười, chúng ta có thể hiểu sâu hơn về nhận thức và tư duy của người Việt trong cuộc sống hàng ngày.

2.3. Một trong những đặc điểm nổi bật của ngôn ngữ trong truyện cười truyền thống là sự phong phú và sắc sảo. Người Việt thường

ưa chuộng sử dụng các từ ngữ hóm hỉnh, ngôn ngữ dân dã và đôi khi là ngôn ngữ lóng để tạo ra sự gần gũi và hài hước. Ví dụ, trong các truyện cười, người ta thường sử dụng các từ ngữ ẩn ý, thâm sâu, hài hước đến “hại não” để mô tả những tình huống dở khóc, dở cười hay những tính cách độc đáo của các nhân vật. Ví như truyện *Tam đại con gà*, người sáng tác truyện phải là người có chữ nghĩa. Trong sách dạy chữ Hán có sách Nhất thiên tự (một ngàn chữ), Tam thiên tự (ba ngàn chữ) trong đó có chữ Hán “kê” là gà [3, tr.44]. Chữ này có mười tám nét, chưa phải là những chữ phức tạp nhất. Thầy dạy chữ nhưng không nắm được mặt chữ. Truyện này đáng cười ở chỗ thầy dạy sai nhưng không dám nhận sai, thầy đi khẩn hỏi bàn thờ gia chủ hy vọng những yếu tố tâm linh sẽ giúp thầy vượt qua sự lúng túng. Thầy giấu dốt, thầy sĩ diện, lấu cá, quanh co. Lúc đầu thầy giải thích: “dù dĩ là con dù dĩ”, tiếp đó thầy bảo học trò đọc khẽ để đỡ xấu hổ, sau khi thầy xin đài âm dương cầu cứu thổ công lại bảo trò đọc to, cuối cùng thầy cất nghĩa liêu: “dù dĩ là chị con công, con công là ông con gà”, cái hài của truyện đã phê phán sự dốt nát, u mê của thầy. Chỉ nhờ một chữ “kê” cùng cụm từ “dù dĩ, dù dĩ” mà chân dung của ông thầy đồ đã bị bóc trần.

2.4. Văn hóa được thể hiện qua ngôn ngữ, ngôn ngữ trong truyện cười là ngôn ngữ hài hước, hóm hỉnh, trí tuệ. Đọc các tác phẩm truyện cười chúng ta sẽ nhận thấy sự hài hước được thể hiện qua lời đối đáp ứng xử của các nhân vật. Chẳng hạn, trong câu chuyện *Biết chữ thì đã không cần mua kính* cười về một anh chàng đi mua kính. Anh ta thấy các cụ già trong làng mỗi khi đọc sách thường đeo kính nên cho rằng cứ đeo kính là có thể đọc được chữ. Tác giả dân gian khéo léo xây dựng chi tiết người đi mua kính cầm cuốn sách đọc ngược khiến ông chủ hiệu kính nghi ngờ anh ta không biết chữ. Khi chủ hiệu kính hỏi anh chàng này đã trả lời “kính tốt thì đã

đọc được chữ rồi”, “biết chữ thì đã không cần mua kính”. Tác giả không chê trực tiếp nhân vật mua kính là người ngốc nghếch mà dựa vào câu trả lời của nhân vật sẽ giúp chúng ta nhận ra điều đó. Như vậy, để đáp ứng nhu cầu mua vui giải trí thì các tác giả dân gian đã sử dụng ngôn ngữ hài hước, đó là ngôn ngữ có trong lời ăn tiếng nói rất tự nhiên, dễ hiểu. Qua ngôn ngữ hài hước thể hiện được sự phê phán của tác giả dân gian về những hiện tượng tiêu cực trong cuộc sống một cách nhẹ nhàng mà thâm thúy.

Ngoài ra, truyện cười người Việt còn rất phong phú về mặt ngôn ngữ ẩn dụ và biểu cảm. Các biểu cảm khuôn mặt, cử chỉ và ngôn ngữ cơ thể thường được sử dụng để tăng cường hiệu ứng hài hước và truyền đạt thông điệp. Ví dụ, một cử chỉ tay hoặc ánh mắt nhếch mép có thể làm cho một tình huống trở nên hài hước hơn và làm tôn lên tính cách của nhân vật. Chỉ một chữ “phải” lật tẩy bản chất của quan tham và xã hội kim tiền trong truyện *Nhưng nó phải bằng hai mày*; cách chơi chữ “*Mặt như... mặt giờ*” của chị vợ trong truyện phần nào xoa dịu cái xung đột đáng cười. Truyện *Tú tí tù ti* bắt nguồn từ việc quên một câu Hán văn trong lúc khuyên bạn “Tích cốc, phòng cơ, tích y phòng hàn” (Để dành ngô lúa phòng khi đói/để dành quần áo phong khi lạnh) lại thành ra chuyện phòng the “Tú tí, tù ti, tú ti tù ti”. Việc đánh tráo khái niệm cơm thành “sắc” đã tạo nên tiếng cười cho thiên hạ. Việc so sánh miêu tả chữ thể hiện thói hợm hĩnh của ông chồng trong truyện *Chữ nhất một như cái cột đại dài* thì thật buồn cười. Truyện *Cô đừng lấy để tôi tu* cũng là bộ sưu tập hài về những ông sư tu chưa thoát tục. Ông sư khát nước đi xin nước ở nhà ven đường, cô gái trẻ thấy vậy bụng hũ nước ra, định ra sau nhà lấy chén mời sư uống, quay lại thấy ông sư đã nâng hũ nước lên uống. Cô gái la to: “thầy đừng tu, để em lấy”. Ông sư trẻ đáp lại: “Thôi, cô đừng lấy,

để tôi tu”. Cách chơi chữ đồng âm khác nghĩa đã làm bật ra tiếng cười giòn giã.

2.5. Đặc biệt, ngôn ngữ trong truyện cười người Việt thường mang tính chất giao tiếp xã hội, phản ánh mối quan hệ giữa các thành viên trong cộng đồng. “Thế giới của truyện cười dân gian là một thế giới thực, rất thực, khác xa với thế giới của những yếu tố thần kỳ, kỳ ảo trong truyện cổ tích ” [1, tr.47]. Thông qua việc sử dụng ngôn từ và hình ảnh hài hước, truyện cười phê phán những thói tham lam trong xã hội. *Quan lớn mua vàng, Cứ bảo tuổi sửu có được không, Ăn chia...* Bên cạnh việc phê phán những ông quan tham lam truyện cười còn phê phán những vị quan kém cỏi về năng lực lãnh đạo quản lý, khoe khoang, cậy chức cậy quyền, dâm tục, mê gái, sợ vợ: *Đội làm sao cho hết, Sợ không dám đánh cái da trâu, Giống giọng cái anh đạo nọ, Sao không nộp thuế cho quan, Món quà lúc rạng đông, Diệu kế, Đưa quân đi tập, Làm quan mà tai mỏng...* Bên cạnh mục đích mua vui giải trí, truyện cười còn có mục đích phê bình giáo dục. Trong câu chuyện *Xem dở buổi hát*, tác giả muốn châm biếm một anh chồng lười lao động hay ngủ ngày, bỏ mặc mọi công việc trong nhà, khi chị vợ gọi dậy còn có thái độ khó chịu. Chị vợ nhẹ nhàng buông lời: “bây giờ mới xế chiều, buổi hát hãy còn, cứ nằm xuống mà xem cho hết”. Câu nói của người phụ nữ nông thôn mang đầy đủ sắc thái của một câu trách mắng, mỉa mai sự lười biếng của anh chồng chỉ say sưa tối ngày. Nếu như ngôn ngữ hài hước được dùng để phê bình các hiện tượng tiêu cực một cách nhẹ nhàng thì ngôn ngữ châm biếm được dùng để phê phán những hành vi, thói quen xấu một cách sâu cay, sắc sảo, thâm thúy. Do vậy, với ngôn ngữ châm biếm đòi hỏi người đọc phải có vốn kiến thức, văn hóa nhất định mới có thể hiểu và vận dụng được khi sử dụng, sáng tạo nên những câu chuyện cười.

2.6. Ngôn ngữ trong truyện cười không chỉ

giàu sắc thái mỉa mai, mà còn là ngôn ngữ đả kích. Chẳng hạn đề cập đến thầy pháp có câu chuyện *Thầy phù thủy sợ ma*. Truyện đả kích ông thầy phù thủy kém cỏi không phân biệt đâu là sự thực và đâu là ma quỷ. Do làm nghề “trừ tà, trừ quỷ” nên mỗi khi bắt ma quỷ là ông ta lại niệm thần chú nhưng lần này do người vợ cố tình trêu chồng mà nấp trong bụi cầm bát than hồng khua lên dọa, thầy niệm thần chú mà không bắt được con ma đó, thầy hoảng loạn quăng đũa. Câu nói “thủ chẳng giống thủ, xôi chẳng giống xôi, thì giống cái gì? Hay là giống con ma trôi tới qua?” của người vợ muốn đả kích công việc của người chồng làm nghề trừ ma diệt quỷ cũng không phân biệt được đâu là ma quỷ và thậm chí còn rất sợ ma, quỷ. Cũng sử dụng ngôn ngữ đả kích nhưng đối tượng hướng vào là giới chức sắc, quan lại thì các tác giả lại có cách vận dụng khác. Chẳng hạn, qua câu chuyện *Toàn gạo và muối* nhằm đả kích một vị quan ăn tiền của dân nhiều quá để đến khi có giấy đòi nơi làm việc nhân dân địa phương mừng quá phải dùng gạo và muối đưa tiền. Câu chuyện *Yết thị* đã lý sự với quan bằng cái lý lẽ của người thông minh, hóm hỉnh. *Mời ông xoi ngọc* là câu chuyện cười về ông nhà giàu ít học. Ông ta thích làm sang, mở miệng ra là nói văn hoa. Có một người bạn đến nhà, ông ta có mời bạn ăn cơm, để tỏ ra lịch sự, khi mời khách dùng món gì ông ta cũng thêm từ “ngọc” vào trước cho nó long trọng. “Mời ông xoi ngọc thịt”, “ngọc rau”, “ngọc cà”. Cuối cùng có đĩa hành muối, ông trịnh trọng “Mời ông xoi ngọc hành ạ!”. Những ngọc rau, ngọc cà đã thấy “chướng tai”, đến “ngọc hành” thì ký hiệu ngôn ngữ này nó đã tố cáo bản chất đã dốt lại còn oai của ông nhà giàu “dốt lại hay nói chữ”. “Ngọc hành” âm Hán Việt chỉ bộ phận của đàn ông. Mời khách trang trọng lại thành ra bản tục, thô thiển. Những truyện cười như *Mất rồi, Kiêng chữ, Ăn đôi củ, Heo đực chết, Vì sao ông vua tiều lâm bị chết*,... là những cách chơi chữ theo

lối nước đôi. Câu chuyện *Bác tìm gì?* cũng là cách chơi chữ đa nghĩa. Hai vợ chồng bác nông dân đi chợ Tết. Chợ đông, bà vợ bị lạc. Ông ta bỏ đi tìm. Một cô bán hàng thấy ông ngó nghiêng tìm kiếm liền hỏi: - Bác tìm gì? Vợ tôi vừa mất! Thế thì mời bác đi theo tôi! Chỗ tôi bán đồ tang đấy! Chữ “mất” trong câu “Vợ tôi vừa mất”, vừa có nghĩa bị lạc, không tìm thấy vừa có nghĩa là chết. Chính bởi vậy mà cô bán hàng hiểu theo nghĩa sau nên mới “mời bác đi theo tôi”, “chỗ tôi bán đồ tang đấy”. Trò chơi chữ trong câu chuyện này tạo ra một tình huống hài hước khi sự hiểu lầm về ý nghĩa của từ “mất” gây ra một kết quả không mong đợi. Điều này khiến người đọc cười vì sự khéo léo của trò chơi chữ và sự hiểu nhầm hài hước của nhân vật. Ký hiệu ngôn ngữ này đã khiến người đọc “cười ra nước mắt”.

Như vậy, bên cạnh những câu chuyện nêu ở trên thì còn rất nhiều câu chuyện cười khác mà tác giả dân gian sử dụng ngôn ngữ để tạo ra tiếng cười với trường liên tưởng phong phú. Ngôn ngữ đả kích được sử dụng trong các tác phẩm truyện cười cũng là những ngôn ngữ bình dân được nhân dân sử dụng trong cuộc sống hàng ngày. Với mỗi loại hình ngôn ngữ tác giả lại hướng đến các đối tượng khác nhau nhằm vào những mục đích không giống nhau qua đây thể hiện được văn hóa xứng xù của người Việt. Bằng cách phản ánh lại những tình huống cuộc sống thông qua ngôn ngữ hài hước, truyện cười không chỉ giúp mọi người thư giãn mà còn giúp họ hiểu rõ hơn về bản thân và xã hội xung quanh. Những ký hiệu ngôn ngữ trong truyện cười rất giàu sáng tạo. Truyện cười thường sử dụng ngôn ngữ phong phú, hài hước và đôi khi bất ngờ để mô tả các tình huống và nhân vật. Sự sáng tạo trong lựa chọn từ ngữ, cách diễn đạt, và các biện pháp hài hước thường phản ánh cá tính, sự hóm hỉnh, và tính linh hoạt của người Việt. Giao tiếp xã hội và quan hệ đối nhân xử

thể là những chủ đề được truyện cười đề cập nhiều. Ngôn ngữ trong truyện cười thường tái hiện lại các tình huống giao tiếp xã hội, từ cách người ta nói chuyện hàng ngày đến cách họ giải quyết các mâu thuẫn và xung đột. Việc sử dụng ngôn ngữ trong truyện cười thường nhấn mạnh vào giá trị của sự hòa nhã, sự thông cảm và khả năng hài hòa trong quan hệ đối nhân xử thế. Ngôn ngữ trong truyện cười thường phản ánh các giá trị văn hóa truyền thống và phẩm chất tinh thần của người dân, như sự kiên nhẫn, lòng trung thành và tinh thần hợp tác. Qua ngôn ngữ, truyện cười thường châm biếm hoặc mỉa mai những hành vi không tương thích với giá trị văn hóa và phẩm chất tinh thần, từ đó nhấn mạnh và khuyến khích sự tuân thủ và tôn trọng các giá trị. Chúng ta cảm nhận được sự sinh động và chân thực của đời sống thông qua truyện cười. Việc sử dụng ngôn ngữ một cách linh hoạt và tự nhiên giúp truyện đạt cảm xúc và trải nghiệm một cách chân thực và gần gũi với người đọc hoặc người nghe. Tóm lại, ngôn ngữ trong truyện cười người Việt không chỉ là một công cụ để gây cười mà còn là một phương tiện sâu sắc để thể hiện và truyền tải các giá trị văn hóa và phẩm chất tinh thần đặc trưng của người dân Việt Nam. Bằng cách thấu hiểu và đánh giá cao giá trị của ngôn ngữ trong truyện cười, chúng ta có thể khám phá ra sự giàu có và sâu sắc của ngôn ngữ và văn hóa Việt Nam. “Đằng sau tiếng cười đôi khi lại là những giọt nước mắt trào lên khi suy ngẫm về thân phận những con người trong xã hội cổ truyền” [1, tr.53].

3. Kết luận

Từ những “khoảnh khắc” trong truyện cười, chúng ta nhận thấy sức mạnh vô song của ngôn ngữ. Truyện cười không chỉ để gây cười mà còn là cầu nối tinh tế giữa con người và xã hội. Với sự sáng tạo và linh hoạt, truyện cười không chỉ làm phong phú thêm thế giới

giải trí mà còn thúc đẩy sự hiểu biết và nhận thức về xã hội, về bản thân, từng chi tiết nhỏ được khám phá qua lăng kính hài hước và sâu lắng của ngôn ngữ. Đó chính là sức mạnh tiềm ẩn của truyện cười - một hình thức nghệ thuật gần gũi và ấn tượng, nơi mà từng từ ngữ đều được cẩn thận chọn lọc để thể hiện và truyền tải những ý nghĩa sâu xa của văn hóa và con người. Từ những xung đột bắt nguồn từ đời sống các tác giả dân gian đã khéo léo xây dựng nên những cốt truyện cười. Ở mỗi một câu chuyện các tác giả lại đưa ra những bài học khác nhau về văn hóa ứng xử qua hệ thống ngôn ngữ đầy ắp những ẩn ý, hài hước, sâu cay, thâm thúy. Ngôn ngữ trong truyện cười được sử dụng với những mục đích khác nhau tùy thuộc vào từng đối tượng hướng tới. Thông qua cách sử dụng ngôn ngữ tài tình của tác giả dân gian giúp chúng ta thấy được những ứng xử văn hóa lạc quan, hài hước của người Việt Nam. Truyện cười nhằm mục đích gây cười, cái cười là mục đích của sự sáng tác “truyện cười mà không gây cười thì khiến người ta ngao ngán như đứng trước một cái đồng hồ mà không có mặt số” (U. Granich). Cái cười đó không chỉ đơn thuần nhằm mua vui, giải trí mà nó còn mang tính nhận thức, tính chiến đấu, là vũ khí đấu tranh của những lớp người nhất định trong xã hội [2, tr.307].

TÀI LIỆU THAM KHẢO

- [1] Nguyễn Chí Bền, *Truyện cười dân gian người Việt*, quyển 1, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2014.
- [2] Nguyễn Việt Hùng, *Từ điển văn học dân gian*, Nxb. Văn hóa - Thông tin, Hà Nội, 2014.
- [3] Trần Gia Linh, *Truyện dân gian Việt Nam*, Tập 2, Nxb. Giáo dục, Hà Nội, 1998.
- [4] Triều Nguyên, *Truyện cười truyền thống của người Việt*, Nxb. Khoa học xã hội, Hà Nội, 2015.
- [5] Ngô Thị Thanh Quý, “Tác phẩm truyện cười - góc nhìn thể loại”, *Tạp chí Khoa học và Công nghệ Đại học Thái Nguyên*, số 118 (04), 2014.